

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022;

Xét nội dung văn bản số 195/BC-CT ngày 21/11/2022 của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nghĩa Hưng;

Theo đề nghị của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nghĩa Hưng tại Tờ trình số 198/TTr-CT ngày 21/11/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3282/TTr-SNN ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi (trong đó điều chỉnh chính khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nghĩa Hưng), cụ thể như sau:

TT	Diện tích được tưới tiêu cấp nước	Đơn vị	Theo QĐ số 2302/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh	Diện tích điều chỉnh (ha)	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)

I	Tưới tiêu cho diện tích đất nông nghiệp	ha	205.061,40	205.043,29	-18,11
1	Diện tích lúa	ha	150.807,02	150.790,74	-16,28
-	Vụ Xuân	ha	74.922,14	74.921,66	-0,48
-	Vụ Mùa	ha	75.884,88	75.869,08	-15,80
2	Diện tích mạ, màu, CCN ngắn ngày	ha	20.683,01	20.681,53	-1,48
-	Vụ Xuân	ha	9.544,80	9.544,17	-0,63
-	Vụ Mùa	ha	11.138,21	11.137,36	-0,85
3	Diện tích cây vụ đông	ha	12.888,87	12.888,87	0
4	Diện tích cây CCN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	ha	6.348,00	6.348,00	0
5	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	13.834,32	13.833,97	-0,35
-	Cấp nước đến 31/3/2022	ha		531,75	531,75
-	Cấp nước cả năm	ha	13.834,32	13.302,22	-532,10
6	Diện tích làm muối	ha	500,18	500,18	0
II	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha	41.599,54	41.599,54	0
III	Tổng cộng (I+II)	ha	246.660,94	246.642,83	-18,11

(Chi tiết của từng đơn vị tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Các nội dung còn lại giữ nguyên theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng